

**CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT POLYBOILER**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT POLYBOILER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: POLYBOILER THERMOTECHNICS  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109879251

**3. Ngày thành lập:** 06/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 06 Ngõ 250/60/41/21 Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0949. 378. 268

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ “Bán buôn dược phẩm”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4661        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299        |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 7.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2410        |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2511        |
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2512        |
| 10. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)<br>Chi tiết: Thiết kế, chế tạo nồi hơi, thiết bị áp lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2513(Chính) |
| 11. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3311        |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THÀNH ANH   | Việt Nam  | Phòng 902 Chung Cư Sao Nghệ 28B Nguyễn Sỹ Sách, , Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | 9.500.000.000         | 95,000    | 186787573                                                                                               |         |
| 2   | LÊ TRUNG THÀNH | Việt Nam  | Khối Nam Bắc Sơn, Thị Trấn Nam Đàn, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                                  | 500.000.000           | 5,000     | 186463922                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THÀNH ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 186787573

Ngày cấp: 18/10/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Phòng 902 Chung Cư Sao Nghệ 28B Nguyễn Sỹ Sách, , Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 902 Chung Cư Sao Nghệ 28B Nguyễn Sỹ Sách, , Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội